

Số: /QĐ-UBND

Như Xuân, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố cấp độ dịch COVID-19 quy mô cấp huyện:
Đơn vị huyện Như Xuân, tuần đánh giá: 24/12 - 31/12/2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật số 03/2007/QH12 ban hành ngày 21/11/2021 về phòng, chống bệnh truyền nhiễm;

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Căn cứ Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Căn cứ Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Xét đề nghị của Văn phòng HĐND&UBND huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố cấp độ dịch COVID-19 quy mô cấp xã và trên địa bàn huyện Như Xuân *(Có phụ lục kèm theo)*.

Tuần đánh giá: 24/12 - 31/12/2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng, ban, ngành cấp huyện, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn huyện; Chủ tịch UBND các xã và cá tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Y tế (b/c);
- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện;(b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT,NN.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Đồng

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI CẤP ĐỘ DỊCH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 4399/QĐ-UBND NGÀY 05/11/2021 CỦA UBND TỈNH

(Tuần đánh giá: 24/12 - 31/12/2021)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Như Xuân)

| TT | Đơn vị | Số dân | Dân số từ 18 tuổi trở lên | Tỷ lệ ca mắc mới trong cộng đồng/số dân/thời gian | Tỷ lệ tiêm vắc xin ở người từ 18 tuổi trở lên | Phân loại cấp độ dịch | Ghi chú |
|----|-------------------|---------------|---------------------------|---|---|-----------------------|-----------------|
| | Toàn huyện | 67.538 | 39.203 | 10,36 | 98,2% | Cấp 1 | Màu xanh |
| 1 | T.T Yên Cát | 9.179 | 6.864 | 3,27 | 97,30 | Cấp 1 | Màu xanh |
| 2 | Bãi Trành | 5.240 | 3.080 | - | 97,11 | Cấp 1 | Màu xanh |
| 3 | Xuân Hoà | 3.696 | 1.964 | - | 98,68 | Cấp 1 | Màu xanh |
| 4 | Xuân Bình | 5.382 | 2.980 | - | 95,97 | Cấp 1 | Màu xanh |
| 5 | Hoá Quỳ | 7.259 | 3.893 | 1,38 | 99,33 | Cấp 1 | Màu xanh |
| 6 | Cát Vân | 2.611 | 1.495 | - | 95,12 | Cấp 1 | Màu xanh |
| 7 | Cát Tân | 2.714 | 1.757 | 1,84 | 95,67 | Cấp 1 | Màu xanh |
| 8 | Tân Bình | 2.432 | 1.098 | - | 95,17 | Cấp 1 | Màu xanh |
| 9 | Bình Lương | 2.989 | 2.116 | 8,36 | 95,60 | Cấp 2 | Màu vàng |
| 10 | Thanh Quân | 5.221 | 3.064 | - | 99,77 | Cấp 1 | Màu xanh |
| 11 | Thanh Xuân | 2.653 | 1.481 | - | 98,31 | Cấp 1 | Màu xanh |

| | | | | | | | |
|----|-------------|-------|-------|---|-------|-------|----------|
| 12 | Thanh Hoà | 2.257 | 1.197 | - | 96,66 | Cấp 1 | Màu xanh |
| 13 | Thanh Phong | 3.337 | 1.601 | - | 96,81 | Cấp 1 | Màu xanh |
| 14 | Thanh Lâm | 3.041 | 1.681 | - | 95,36 | Cấp 1 | Màu xanh |
| 15 | Thanh Sơn | 2.724 | 1.759 | - | 99,66 | Cấp 1 | Màu xanh |
| 16 | Thượng Ninh | 6.803 | 3.173 | - | 96,69 | Cấp 1 | Màu xanh |